

Số: 24/2024/QĐST-DS

Lộc Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 200/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện L, tỉnh Quảng Trị

Chỗ ở hiện nay: ấp 3B, xã H, thị xã C, tỉnh Bình Dương

Bị đơn: Bà Đào Thị Q, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Lê Thị L và bà Đào Thị Q đồng ý huỷ Hợp đồng đặt cọc ngày 30/9/2022 giữa bà Lê Thị L và bà Đào Thị Q.

- Bà Đào Thị Q đồng ý chịu trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền đặt cọc là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

- Về án phí: Bà Đào Thị Q chịu 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Lê Thị L chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 2.100.000đ (hai triệu một

trăm ngàn) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Sau khi khấu trừ, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho bà Hảo số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.050.000 đ theo biên lai số 0010874 ngày 07/12/2023.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Oanh